|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ngày soạn: ………… | Ngày dạy: …………… | Lớp: …….. Tiết: ……. |

**Tiết 40 – LÀM QUEN VỚI SỐ NGUYÊN ÂM**

**I. MỤC TIÊU**

Qua bài này giúp học sinh:

**1. Kiến thức:**

- Học sinh biết được nhu cầu cần thiết (trong toán học và trong thực tế ) phải mở rộng tập N thành tập hợp số nguyên.

- Học sinh nhận biết và đọc đúng các số nguyên âm qua ví dụ thực tế.

- Biết cách biểu diễn các số tự nhiên và các số nguyên âm trên trục số.

**2. Kỹ năng:**

- Học sinh nhận biết nhanh các số nguyên âm.

- Biểu diễn tập hợp số nguyên trên trục số.

**3. Thái độ:** Có ý thức liên hệ giữa thực tế và toán học.

**4. Định hướng năng lực, phẩm chất**

***- Năng lực:*** Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***- Phẩm chất:*** Tự tin, tự chủ.

**II. CHUẨN BỊ**

1. Giáo viên: Nhiệt kế có chia độ ẩm, hình vẽ biểu diễn độ cao.

2. Học sinh: Thước kẻ có chia.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

1. Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số. (**1 phút**)

2. Nội dung:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung** |
| **A. Hoạt động khởi động (5 phút)**  ***Mục tiêu:*** HS có các đồ dùng học tập cần thiết phục vụ môn học và biết về nội dung chương II  ***Phương pháp:*** Thuyết trình, trực quan | | |
| - GV đưa ra 3 phép tính và yêu cầu HS thực hiện :  4 + 6 = ?  4.6 = ?  4 – 6 = ?  - GV: Chúng ta đã biết phép cộng và phép nhân hai số tự nhiên luôn thực hiện được và cho kết quả là một số tự nhiên, còn đối với phép trừ hai số tự nhiên không phải bao giờ cũng thực hiện được. Vậy để phép trừ các số tự nhiên bao giờ cũng thực hiện được, người ta phải đưa vào một loại số mới : số nguyên âm. Các số nguyên âm cùng với số tự nhiên tạo thành tập hợp các số nguyên.  - GV: giới thiệu sơ lược về chương ‘số nguyên’. | - HS lên bảng trả lời theo sự hiểu biết vốn có.  + Thực hiện phép tính:  4 + 6 = 10  4.6 = 24  4 – 6 = không có kết quả trong **N**. |  |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức.**  **Hoạt động 1**: **Các ví dụ (15 phút)**  ***Mục tiêu:*** Biết được nhu cầu cần thiết phải mở rộng tập N. Nhận biết và đọc đúng các số nguyên âm qua các ví dụ thực tiễn.  ***Phương pháp:*** Thuyết trình, vấn đáp, ... | | |
| **Ví dụ 1 :**  - GV : giới thiệu về các số nguyên âm như : -1; -2; -3...... và hướng dẫn cách đọc (2 cách: âm 1 và trừ 1.......)  - GV gọi HS đọc ví dụ 1.  - GV treo bảng phụ có vẽ nhiệt kế hình 31 SGK cho HS quan sát và giới thiệu về các nhiệt độ : 00C, trên 00C, dưới 00C ghi trên nhiệt kế :  - GV: hỏi HS cách đọc -30C ? Và hỏi HS ngoài cách HS đọc còn cách đọc nào khác không?  - GV gọi học sinh đọc yêu cầu ?1 và cho HS làm ?1 SGK/66, giải thích ý nghĩa các số đo nhiệt độ các thành phố. Có thể hỏi thêm: trong 8 thành phố trên thì thành phố nào nóng nhất ? lạnh nhất?  **Ví dụ 2:**  - GV gọi HS đọc ví dụ  - GV đưa hình vẽ giới thiệu độ cao với quy ước độ cao mực nước biển là 0m. Giới thiệu độ cao trung bình của cao nguyên Đắc Lắc (600m) và độ cao trung bình của thềm lục địa Việt Nam( - 65m).  - GV gọi HS đọc yêu cầu ?2 và làm ?2.  - GV hỏi thêm:  + Đỉnh Phan-xi-păng ở trên hay dưới mực nước biển?  + Đáy vịnh Cam Ranh là trên hay dưới mực nước biển?  **Ví dụ 3:**  - GV: gọi HS đọc ví dụ 3  - GV lấy thêm ví dụ thực tế: bạn A nợ của bạn B 50000 đồng có thể nói mỗi bạn có số tiền như thế nào?  - Cho HS làm ?3 và giải thích ý nghĩa của các con số.  - GV hỏi HS số tiền có hay số tiền nợ là số nguyên âm? | HS nghe giảng và tập đọc các số nguyên âm : -1 ; -2 ; -3 ; -4....  - HS đọc to ví dụ 1.  HS quan sát nhiệt kế, đọc các số ghi trên nhiệt kế như : 00C ; 1000C ; 400C ; -100C ; -200C...  - HS đọc và trả lời câu hỏi : ngoài cách đọc là âm còn cách đọc là trừ.  - HS đọc và giải thích ý nghĩa các số đo nhiệt độ.  + Hà Nội 180C là nhiệt độ 180C trên 00C.  + Bắc Kinh -20C là nhiệt độ 20C dưới 00C...  Nóng nhất : TP. Hồ Chí Minh  Lạnh nhất : Mát – xcơ-va  1 HS đọc ví dụ  - HS quan sát và nghe giới thiệu  - HS đọc yêu cầu và làm ?2: đọc độ cao của núi Phan Xi Păng và của đáy vịnh Cam Ranh.  - HS trả lời:  + Đỉnh Phan-xi-păng nằm phía trên mực nước biển.  + Đáy vịnh Cam Ranh nằm phía dưới mực nước biển.  - HS đọc to ví dụ 3.  - HS trả lời:  + Bạn A có –50 000 đồng.  + Bạn B có 50 000 đồng.  - HS đọc các câu ?3 và trả lời  - HS trả lời: số tiền nợ là số nguyên âm. | **I. Các ví dụ**  - Các số : -1, -2, -3 ……. gọi là số nguyên âm .  - Cách đọc: -1, -2, -3... đọc là âm 1, âm 2, âm 3....hoặc trừ 1, trừ 2, trừ 3....  - Ví dụ 1: sgk/66  ?1: sgk/66  - Ví dụ 2: sgk/67  ?2: sgk/67  + Độ cao của đỉnh núi Phan-xi-păng là 3143 mét.  + Độ cao của đáy vịnh Cam Ranh là âm 30 mét.  - Ví dụ 3: sgk/67  ?3: sgk/67  + Ông Bảy nợ 150000 đồng.  + Bà Năm có 200000 đồng.  + Cô Ba nợ 30000 đồng. |
| **Hoạt động 2: Trục số (10 phút)**  ***Mục tiêu:*** Biết cách biểu diễn các số tự nhiên và các số nguyên âm trên trục số  ***Phương pháp:*** Thuyết trình, vấn đáp ... | | |
| - GV vẽ tia số lên bảng.  - GV nhấn mạnh tia số phải có gốc, chiều, đơn vị.  - GV vẽ tia đối của tia số lên bảng và ghi các số -1 ; -2 ; -3... từ đó giới thiệu gốc, chiều dương, chiều âm của trục số.  - GV gọi HS đọc yêu cầu ?4.  - GV treo bảng phụ ?4. GV làm mẫu điểm A : -6 sau đó yêu cầu HS lên điền vào các điểm B, C, D trên trục số GV : Gợi ý HS xác định các giá trị tương ứng với mỗi đơn vị chia trên trục số, 1 đơn vị chia là -1, 2 đơn vị chia là -2..., suy ra các điểm cần tìm .  - GV giới thiệu trục số thẳng đứng hình 34 sgk. | - HS quan sát và vẽ tia số vào vở.  - HS vẽ tiếp tia đối của tia số và hoàn chỉnh trục số.  - HS đọc yêu cầu, vẽ hình và làm vào vở.  - HS lên bảng điền vào chỗ trống.  - HS quan sát hình 34 sgk và nghe giới thiệu. | **II. Trục số**    -3 -2 -1 0 1 2 3  - Hình trên là trục số . Điểm 0 (không) được gọi là điểm gốc của trục số .  - Chiều từ trái sang phải gọi là *chiều dương* ,( chiều mũi tên ), chiều ngược lại là *chiều âm* của trục số.  - ?4: sgk/67.  Điểm A:-6; Điểm C: 1  Điểm B:-2; Điểm D: 5 |
| **C. Hoạt động luyện tập (10 phút)**  ***Mục tiêu:*** HS biết viết các số nguyên âm và biểu diễn các số tự nhiên, các số nguyên âm trên trục số  ***Phương pháp:*** Thuyết trình, luyện tập | | |
| **Bài tập 1 sgk/68:**  **-** GV: yêu cầu HS đọc yêu cầu bài tập 1 sgk/68  - GV treo bảng phụ có vẽ 5 nhiệt kế và yêu cầu HS lên bảng điền vào mỗi hình giá trị tương ứng với số chỉ nhiệt kế.  **Bài tập 4b sgk/68:**  **-** GV gọi HS đọc yêu cầu bài tập 4b sgk/68.  **-** GV vẽ trục số hình 37 lên bảng và gọi HS lên bảng điền vào các số nguyên âm nằm giữa -10 và -5 lên trục số.  - GV : Qua các ví dụ tìm hiểu ngày hôm nay người ta dùng số nguyên âm khi nào? | - HS: đọc yêu cầu bài tập 1 sgk/68.  - HS lên bảng làm.  a) a: -30C b: -20C  c: 00C d: 20C  e: 30C  b) Trong hai nhiệt kế a và b thì nhiệt kế b có nhiệt độ cao hơn.  - HS đọc yêu cầu bài tập 4b sgk/68 và vẽ hình vào vở.  - HS lên bảng điền các số nguyên âm.  - HS: Dùng số nguyên âm để chỉ nhiệt độ dưới 00C, chỉ độ sâu dưới mực nước biển, chỉ số nợ.... | **Bài tập 1 sgk/68:**  a) a: -30C b: -20C  c: 00C d: 20C  e: 30C  b) Trong hai nhiệt kế a và b thì nhiệt kế b có nhiệt độ cao hơn.  **Bài tập 4b sgk/68:** |
| **D. Hoạt động vận dụng (3 phút)**  ***Mục tiêu:*** HS vận dụng kiến thức vào thực tế giải bài toán  ***Phương pháp***: Vấn đáp, thuyết trình | | |
| Yêu cầu HS đọc đề bài 3 sgk/68  Nhà toán học Pi-Ta-go sinh năm 570 trước công nguyên viết là sinh năm -570 . | **HS:** Vận dụng kiến thức môn lịch sửđể trả lời.  Thế vận hội đầu tiên tổ chức vào năm -776.  **HS:** Vận dụng kiến thức môn thể dụcđể trả lời.  Chuẩn bị bài Tập hợp các số nguyên. |  |
| **E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng (2 phút)**  ***Mục tiêu:*** HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học ở tiết học  ***Phương pháp***: Ghi chép | | |
| - Hoàn thành các bài tập còn lại (sgk : tr 68) ,( vận dụng đặc điểm, cách vẽ trục số và ý nghĩa của dấu “-“ phía trước số tự nhiên ).  - Chuẩn bị bài 2 “ **Tập hợp các số nguyên”**  **- GV:** Chia lớp thành 4 nhóm  \*Nhóm 1 + 2: Em hãy cho ví dụ thực tế có số nguyên âm và giải thích ý nghĩa của số nguyên đó?  \*Nhóm 3+4: Vẽ trục số và cho biết:  a/ Những điểm nào cách điểm 2 ba đơn vị ?  b/ Những điểm nào nằm giữa các điểm – 3 và 4? | HS ghi chép nội dung yêu cầu |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ngày soạn: ………… | Ngày dạy: …………… | Lớp: …….. Tiết: ……. |

**Tiết 41 – TẬP HỢP CÁC SỐ NGUYÊN**

**I. MỤC TIÊU**

Qua bài này giúp học sinh:

**1. Kiến thức:**

- Học sinh biết được tập hợp các số nguyên, điểm biểu diễn số nguyên a trên trục số. Số đối của số nguyên.

**2. Kỹ năng:**

- Bước đầu hiểu được rằng có thể dùng số nguyên để nói về các đại lượng có hai hướng ngược nhau

**3. Thái độ:**

- Tích cực, tự giác, chủ động, thêm yêu thích bộ môn

- Bước đầu có ý thức liên hệ bài học với thực tiễn.

**4. Định hướng năng lực, phẩm chất**

***- Năng lực:*** Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***- Phẩm chất:*** Tự tin, tự chủ.

**II. CHUẨN BỊ**

1. Giáo viên: nghiên cứu chương trình SGK, tài liệu tham khảo, thước thẳng, phấn màu.

2. Học sinh: SGK, Vở ghi, ĐDHT, nghiên cứu **§**2 SGK

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

1. Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số. (**1 phút**)

2. Nội dung:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung** |
| **A. Hoạt động khởi động**  ***Mục tiêu:*** HS lấy được ví dụ thực tế có số nguyên âm, vẽ được trục số,biểu diễn được số nguyên âm trên trục số. Rèn tính cẩn thận, chính xác trong khi vẽ và biểu diễn số nguyên âm trên trục số.  ***Phương pháp:*** thuyết trình, vấn đáp, hoạt động nhóm ... | | |
| HS lên báo cáo nhiệm vụ giao về nhà:  - Nhóm 1 + 2: Em hãy cho ví dụ thực tế có số nguyên âm và giải thích ý nghĩa của số nguyên âm đó?  - Nhóm 3 + 4: Vẽ trục số và cho biết:  a. Những điểm nào cách điểm 2 ba đơn vị?  b. Những điểm nào nằm giữa các điểm - 3 và 4?  - **GV:** Giới thiệu bài mới  *Các em đã được học về tập hợp các số tự nhiên, trong tiết hôm nay, cô sẽ giới thiệu một tập hợp số mới, đó là tập hợp các số nguyên.* | - đại diện các nhóm lên bảng báo cáo  - nhóm khác nhận xét |  |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức**  **Hoạt động 1: Số nguyên**  ***Mục tiêu:*** Học sinh biết được tập hợp các số nguyên, mối quan hệ giữa tập hợp N và Z.Bước đầu hiểu được rằng có thể dùng số nguyên để nói về các đại lượng có hai hướng ngược nhau.  ***Phương pháp:*** thuyết trình, vấn đáp, hợp tác nhóm .. | | |
| **GV:** Giới thiệu:  - Các số tự nhiên khác 0 còn được gọi là số nguyên dương, đôi khi còn viết + 1; + 2; + 3; ... nhưng dấu “+” thường được bỏ đi.  - Các số - 1; - 2; - 3; ... là các số nguyên âm.  - Tập hợp gồm các số nguyên âm, nguyên dương, số 0 là tập hợp các số nguyên.  Ký hiệu: Z.  viết: Z = {..; - 3; - 2; - 1; 0; 1; 2; 3; ...}  ♦ **Củng cố:** Làm bài 6 (SGK/70).  Điền đúng (Đ), sai (S) vào ô vuông các câu.  - 4  N ; 4  N ; 0  Z  5  N ; - 1  N ;1  N  **GV:** Cho biết tập hợp N và tập hợp Z có quan hệ như thế nào?  **GV:** Minh họa bằng hình vẽ.  **GV:** Giới thiệu: Chú ý và nhận xét SGK.  - Cho HS đọc chú ý SGK.  **GV:** Các đại lượng trên đã có qui ước chung về dương, âm. Tuy nhiên trong thực tế và trong giải toán ta có thể tự đưa ra qui ước. Để hiểu rõ hơn ta qua ví dụ và các bài tập SGK.  **GV:** Cho HS đọc ví dụ trên bảng phụ ghi sẵn đề bài và treo hình 38. (SGK/69).  ♦ **Củng cố**: Làm ?1, ?2, ?3.  **Hoạt động nhóm**  Nhóm 1: ?1  Nhóm 2: ?2  Nhóm 3: ?3  Nhóm 4: Bài 10. 71 SGK.  **GV:** Qua bài ?2, ?3.  Ta nhận thấy trên thực tế, đôi lúc gặp trường hợp hai kết quả khác nhau nhưng câu trả lời như nhau (đều cách điểm A 1m) vì lượng giống nhau nhưng hướng ngược nhau  => mở rộng tập N là cần thiết, số nguyên có thể coi là số có hướng. | **- HS:** nghe GV giảng  **- HS:** N  Z  **- HS:** Thực hiện theo yêu cầu của GV.  **- HS:** Thực hiện theo yêu cầu của GV.  Đại diện từng nhóm lên bảng trình bày  Các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung | **1. Số nguyên**  - Các số tự nhiên khác 0 gọi là số nguyên dương.  - Các số -1; -2; -3; ... gọi là số nguyên âm.  - Tập hợp các số nguyên gồm các số nguyên dương, số 0, các số nguyên âm.  Ký hiệu: Z  Z = {..; -3; -2; -1; 0; 1; 2; 3; ...}  - Chú ý: (SGK)  - Nhận xét: (SGK)  Ví dụ: (SGK)  - Làm ?1  Điểm C được biểu là +4km, D là - 1km, E là - 4km  - Làm ?2  Câu a, b chú ốc sên đều cách A 1m  - Làm ?3  Đáp số của hai trường hợp như nhau, đều cách điểm A 1m, nhưng kết quả thực tế lại khác nhau:  + Trường hợp a: Cách A 1m về phía trên.  + Trường hợp b: Cách A 1m về phía dưới.  b. Đáp số của ?2 là:  a) +1m ; b) - 1m  **Bài 10 (SGK/71)** : Yêu cầu HS nhìn hình 40 SGK và đứng lên trả lời tai chỗ. |
| **Hoạt động 2: Số đối**  ***Mục tiêu:*** Học sinh nắm hai số đối nhau là gì? Tìm được số đối của một số cho trước  ***Phương pháp****:* thuyết trình, vấn đáp, ... | | |
| - Vẽ 1 trục số nằm ngang và yêu cầu HS lên bảng xác định số 1 và – 1.  - GV: Giới thiệu hai số + 1 và – 1 là hai số đối nhau.  - Hãy tìm một số ví dụ tương tự.  - Nhận xét về dấu của hai số đối nhau?  - Tập hợp Z có bao nhiêu các cặp số đối nhau?  - Số đối của 0 là số nào?  - Mỗi số nguyên có bao nhiêu số đối?  -Tổ chức cho HS giải ?4 | - HS nhận xét vị trí của điểm 1 và – 1 trên trục số: điểm 1 và – 1 cách đều điểm O và nằm về 2 phía của O.  - HS có thể tìm được 2 và – 2 ; 3 và – 3  - Hai số đối nhau chỉ khác nhau về dấu  - Tập hợp Z có vô số các cặp số đối nhau.  - Số đối của số 0 là 0  - Mỗi số nguyên chỉ có duy nhất một số đối.    - HS đứng tại chỗ trình bày và nhận xét bài làm của bạn | **2. Số đối**    **VD:** 1 và (-1); 2 và (-2); 3 và (-3) là các số đối của nhau.  **\*Nhận xét:**  **∀**a ∉ Z, hai số a và (-a) là hai số đối nhau.  Số đối của 0 là 0.  ***?4 (SGK).***  Số đối của số 7 là – 7  Số đối của số - 3 là 3 |
| **C. Hoạt động luyện tập (5 phút)**  ***Mục tiêu:*** HS biết tìm số nguyên âm, số nguyên dương và tìm số đối của số nguyên.  ***Phương pháp:*** vấn đáp, thuyết trình, hợp tác nhóm ... | | |
| **Bài tập 1:** Chỉ ra các số nguyên dương , nguyên âm trong các số sau:  25 ; - 12 ; 0 ; 27 ; 345 ; 49 ; 11  **Bài tập 2: Trò chơi tìm số đối:**  - Hàng 1: Cầm sẵn các số đã cho  - Hàng 2: Phải tìm số đối tương ứng và đứng ghép đôi đúng vị trí.  **GV:** nhấn mạnh lại các kiến thức đã học  GV nhận xét giờ học. | HS: trả lời  HS: hoạt động |  |
| **D. Hoạt động vận dụng ( thời gian)**  ***Mục tiêu:*** HS vận dụng kiến thức thực tế vào giải bài toán  ***Phương pháp***: | | |
| Yêu cầu HS đọc đề bài 7 (sgk/70) | HS đọc đề bài:  - Dấu + biểu thị độ cao trên mực nước biển. Đỉnh núi Phan – xi – păng cao 3143.  - dấu – biểu thị độ cao dưới mực nước biển của. Đáy vịnh Cam Ranh thấp hơn mặt nước biển là 30m. | **Bài 7 (sgk/70)**  - Dấu + biểu thị độ cao trên mực nước biển. Đỉnh núi Phan – xi – păng cao 3143.  - dấu – biểu thị độ cao dưới mực nước biển của. Đáy vịnh Cam Ranh thấp hơn mặt nước biển là 30m. |
| **E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng (thời gian)**  ***Mục tiêu:*** HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học ở tiết học.  ***Phương pháp:*** Ghi chép. | | |
| - Học thuộc lý thuyết.  - HS cả lớp làm BT 8, 9, 10 (sgk/71);  - HS khá giỏi làm thêm các BT 9🡪16 (SBT). | HS ghi chép nội dung yêu cầu |  |

Ngày soạn:................. Ngày dạy:................ Lớp:................. Tiết:............

**Tiết 42: THỨ TỰ TRONG TẬP HỢP CÁC SỐ NGUYÊN**

**I. MỤC TIÊU**

Qua bài này giúp học sinh:

**1. Kiến thức:**

- Học sinh biết so sánh 2 số nguyên và tìm ra được giá trị tuyệt đối của 1 số nguyên.

**2. Kỹ năng:**

- Biết vận dụng kiến thức giải bài tập.

- Trình bày lời giải ngắn gọn, khoa học.

**3. Thái độ:**

- Học sinh có ý thức học tập tốt. Yêu thích môn học.

**4. Định hướng năng lực, phẩm chất**

**- *Năng lực:*** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực ngôn ngữ, năng lực tự học.

**- *Phẩm chất:*** Tự tin, tự chủ.

**II. CHUẨN BỊ**

1. Giáo viên: Phấn màu, SGK,SBT, thước kẻ.

2. Học sinh: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

1. Ổn địn lớp: Kiểm tra sĩ số (1p)

2. Nội dung

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | | **Hoạt động của HS** | **Nội dung** |
| **A. Hoạt động khởi động (5p)**  ***Mục tiêu:*** Kiểm tra bài cũ - Đặt vấn đề.  ***Phương pháp:*** vấn đáp, thuyết trình. | | | |
| **?1:** Tập hợp các số nguyên gồm các số nguyên nào? Viết ký hiệu.  **?2:** So sánh các số 2 và 4. So sánh vị trí của điểm 2 và điểm 4 trên trục số?  Để so sánh 2 số nguyên ta so sánh như thế nào? | | +) Tập hợp số nguyên gồm các số nguyên âm, số 0 và các số nguyên dương.  Kí hiệu: Z  +) 2 < 4 trên trục số điểm 2 nằm ở bên trái điểm 4. |  |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức**  **Hoạt động 1: So sánh hai số nguyên (15p)**  ***Mục tiêu:*** HS biết so sánh hai số nguyên.  ***Phương pháp:*** Thuyết trình, luyện tập thực hành, vấn đáp. | | | |
| **GV:** *Hỏi:*  *- So sánh giá trị hai số 3 và 5?*  *- So sánh vị trí điểm 3 và 5 trên trục số? Rút ra nhận xét so sánh hai số tự nhiên.*  **GV:** Chỉ trên trục số và nhắc lại kiến thức cũ HS đã nhận xét.  **GV:** Giới thiệu: Tương tự số nguyên cũng vậy, trong hai số nguyên khác nhau có một số nhỏ hơn số kia. Số nguyên a nhỏ hơn số nguyên b.  Ký hiệu a < b (hoặc b > a)  - Trình bày phần in đậm SGK  **GV:** Cho HS đọc phần in đậm/SGK/tr71.  **♦ Củng cố:** Làm [?1].  **GV:** Treo bảng phụ ghi sẵn đề bài, yêu cầu HS đứng tại chỗ điền từ thích hợp vào chỗ trống.  **GV:** Tìm số liền sau, liền trước số 3?  **GV:** Từ kiến thức cũ giới thiệu phần chú ý/SGK/tr71 về số liền trước, liền sau  **GV:** Cho HS đứng tại chỗ làm bài [?2].  **GV:** Từ câu d => ý 2 của nhận xét.  Từ câu c, e => ý 3 của nhận xét. | **HS:** Trả lời và nhận xét.  Trong hai số tự nhiên khác nhau có một số nhỏ hơn số kia và trên trục số (nằm ngang) điểm biểu diễn số nhỏ nằm bên trái điểm chỉ số lớn.  **HS:** Đọc phần in đậm.  **HS:** Số 4, số 2  **HS:** Đọc chú ý.  **HS:** Thực hiện theo yêu cầu của GV.  **HS:** Nhận xét hai số nguyên, rút ra kết luận.  **HS:** Đọc nhận xét mục 1 SGK. | | **1. So sánh hai số nguyên**    Trong 2 số nguyên có 1 số nhỏ hơn số kia.  a nhỏ hơn b : a < b  b lớn hơn a : b > a  \* Trên trục số điểm a nằm bên trái điểm b thì a < b .  **[?1]**  ***\*Chú ý:*** (SGK – tr.71)  VD: - 5 là số liền trước của 4  - 1 là số liền trước của 0  + 1 là số liền sau của 0  **[?2]**  2 < 7 ; -2 > -7  - 6 < 0 ' 4 > -2  - 4 < 2 ; 0 < 3  ***\*Nhận xét:***  - Mọi số nguyên âm nhỏ hơn 0  - Mọi số nguyên dương lớn hơn 0  - Mọi số nguyên âm nhỏ hơn bất kỳ số nguyên dương nào. |
| **Hoạt động 2: Giá trị tuyệt đối của một số nguyên (16p)**  ***Mục tiêu:*** HS tìm được gía trị tuyệt đối của một số nguyên.  ***Phương pháp:*** vấn đáp, thuyết trình. | | | |
| **GV:** vẽ hình trục số: (H.43)  **Hỏi:** *Em hãy tìm số đối của 3?*  **GV:** *Em cho biết trên trục số điểm -3 và điểm 3 cách điểm 0 bao nhiêu đơn vị?*  **GV:** Cho HS hoạt động nhóm làm [?3].  **GV:** Từ [?3] dẫn đến khái niệm giá trị tuyệt đối của một số nguyên.  - Khoảng cách từ điểm 5 đến điểm 0 trên trục  số gọi là giá trị tuyệt đối của số 5. -> khái quát như phần đóng khung.  **GV:** Giới thiệu: Giá trị tuyệt đối của a.  *Ví dụ:*  a)  = 13  b)  = 20  c)  = 0  d)  = 75 | **HS:** Số - 3  **HS:** Điểm -3 và điểm 3 cách điểm 0 một khoảng là 3 (đơn vị).  **HS:** Thực hiện yêu cầu của GV.  **HS:** Đọc định nghĩa phần đóng khung. | | **2. Giá trị tuyệt đối của một số nguyên a.**    **[?3]**  **Định nghĩa:**  Khoảng cách từ điểm a đến điểm O trên trục số là giá trị tuyệt đối của số nguyên a.  Ký hiệu:  Đọc là: Giá trị tuyệt đối của a  Ví dụ : ⎢13 ⎢= 13  ⎢20 ⎢= 20  ⎢0 ⎢ = 0 |
| **C. Hoạt động luyện tập (5p)**  ***Mục tiêu:*** Học sinh biết so sánh hai số nguyên, biết tính giá trị tuyệt đối của một số nguyên.  ***Phương pháp:*** Thuyết trình, vấn đáp. | | | |
| **GV:** Yêu cầu HS làm việc cá nhân.  **GV:** Gọi HS lên bảng thực hiện tính. Dưới lớp làm vở xong đổi vở, kiểm tra theo cặp đôi. | **HS:** Làm việc cá nhân.  **HS:** Lên bảng thực hiện. | | **Bài 11/SGK/tr73**  3 < 5 4 > -6  -3 > -5 10 > -10 |
| **D. Hoạt động vận dụng (2p)**  ***Mục tiêu:*** HS vận dụng kiến thức thực tế vào giải bài toán.  ***Phương pháp:*** vấn đáp, thuyết trình. | | | |
| **GV:** Trên trục số nằm ngang, số nguyên a nhỏ hơn số nguyên b khi nào?  - Giới thiệu: *“Có thể coi mỗi số nguyên gồm 2 phần: Phần dấu và phần số. Phần số chính là giá trị tuyệt đối của nó”.* | **HS:** Khi điểm a nằm bên trái điểm b. | |  |
| **E. Hoạt động tìm tòi và mở rộng (1p)**  ***Mục tiêu:*** HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học ở tiết học.  ***Phương pháp:*** Ghi chép. | | | |
| - Học thuộc bài.  - Làm bài tập: 12, 13, 14, 16, 17 SGK | HS ghi chép nội dung yêu cầu. | |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ngày soạn: …………… | Ngày dạy: ……………… | Lớp: ……….. Tiết: ……. |

**Tiết 43: LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU**

Qua bài này giúp học sinh:

**1. Kiến thức:** HS so sánh thành thạo hai số nguyên, biết nhận ra các số thuộc tập hợp các số nguyên, các số nguyên dương, các số nguyên âm. Làm các bài tập về giá trị tuyệt đối một cách thành thạo.

**2. Kỹ năng:** Biết vận dụng các nhận xét vào giải toán thành thạo.

**3. Thái độ:** Rèn luyện ý thức tự học, tự làm bài, có thái độ học tập đúng đắn.

**4. Định hướng năng lực, phẩm chất**

***- Năng lực:*** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực ngôn ngữ, năng lực tự học.

***- Phẩm chất:*** Tự tin, tự chủ.

**II. CHUẨN BỊ**

1. Giáo viên: Phấn màu, bảng phụ, thước thẳng, SGK, SBT

2. Học sinh: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

1. Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số. (**1 phút**)

2. Nội dung:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Khởi động (5 phút)**  ***Mục tiêu:***  HS nắm chắc cách so sánh hai số nguyên, giá trị tuyệt đối của một số nguyên và tìm được giá trị tuyệt đối của một số nguyên.  ***Phương pháp****:* thuyết trình, vấn đáp, Hoạt động nhóm .. | | |
| ***Hoạt động nhóm***  - HS báo cáo kết quả Việc chuẩn bị bài ở nhà  Nhóm 1+2:  - Trên trục số nằm ngang, số nguyên a nhỏ hơn số nguyên b khi nào?  - Làm bài 13. 73 SGK  + Nhóm 3+4:  - Thế nào là giá trị tuyệt đối của số nguyên a?  - Làm bài 21. 57 SBT | - Đại diện HS các nhóm lên báo cáo kết quả Việc chuẩn bị bài của các nhóm.  -Nhóm khác nhận xét bổ sung |  |
| **C. Hoạt động luyện tập – vận dụng ( 37 phút)**  ***Mục tiêu:*** HS so sánh thành thạo hai số nguyên, biết nhận ra các số thuộc tập hợp các số nguyên, các số nguyên dương, các số nguyên âm. Làm các bài tập về giá trị tuyệt đối một cách thành thạo.  ***Phương pháp:*** thuyết trình, vấn đáp, Hoạt độngnhóm .. | | |
| - GV: tổ chức, hướng dẫn HS thực hiện giải các bài tập  ***Hoạt động cá nhân****:*  \*\* **Điền đúng (Đ), sai (S) vào ô trống:**  - GV: Treo bảng phụ đã ghi sẵn đề bài 16 trang73 SGK  - GV: Cho HS đọc đề và lên bảng điền đúng (Đ), sai (S) vào ô trống.  - GV: Cho cả lớp nhận xét, ghi điểm.  **\* \*So sánh hai số nguyên.**  - GV: Trên trục số, số nguyên a nhỏ hơn số nguyên b khi nào?  Bài 18.(73 SGK)  - GV: Cho đại diện nhóm lên trình bày, giải thích vì sao?  - GV: Cho cả lớp nhận xét dựa vào hình vẽ trục số. Nhận xét, ghi điểm  **Bài 19 trang 73 SGK**  - GV: Cho HS lên bảng phụ dấu “+” hoặc “-“ vào chỗ trống để được kết quả đúng (chú ý cho HS có thể có nhiều đáp số)  ***Hoạt động nhóm***  **\*\*Tính giá trị của biểu thức**  Bài 20 trang73 SGK  - GV: Nhắc lại nhận xét mục 2.72 SGK?  - Cho HS đọc đề và sinh hoạt nhóm.  + Hướng dẫn:  Tìm giá trị tuyệt đối của mỗi thành phần trước khi thực hiện phép tính.  GV: Cho lớp nhận xét, ghi điểm  - Lưu ý:  Tính giá trị các biểu thức trên thực chất đã thực hiện các phép tính trong tập N.  ***Hoạt động cá nhân****:*  **\*\*Tìm đối số của một số nguyên.**  **Bài 21.73 SGK**  - GV: Thế nào là hai số đối nhau?  - GV: Yêu cầu HS làm vào vở nháp.  - Gọi một HS lên bảng trình bày.  Hướng dẫn: Muốn tìm số đối của giá trị tuyệt đối của số nguyên, ta phải tìm giá trị tuyệt đối của số nguyên đó trước, rồi tìm số đối.  GV: Cho lớp nhận xét và ghi điểm.  ***Hoạt động cá nhân****:*  **\*\*Tìm số liền trước, liền sau của một số nguyên**.  **Bài 22 trang 74 SGK**  - GV: Số nguyên b gọi là liền sau của số nguyên a khi nào? | - HS: Lên bảng thực hiện.  - HS: Trả lời  - HS: Thảo luận nhóm  - HS: Thực hiện yêu cầu của GV  - HS: Thảo luận nhóm và cử đại diện nhóm lên trình bày.  - HS: Trả lời  - HS: Lên bảng thực hiện. | **1. Bài 16 SGK trang 73**  Đ  Đ  Đ  Đ  Đ  S  S  7  N ; 7  Z  0  N ; 0  Z  -9  Z ; -9  N  11, 2  Z  **2. Bài 18 SGK. 73**  a) Số a chắc chắn là số nguyên dương.  Vì: Nó nằm bên phải điểm 2 nên nó cũng nằm bên phải điểm 0 (ta viết a > 2 > 0)  b) Số b không chắc chắn là số nguyên âm, vì b còn có thể là 0, 1, 2.  c) Số c không chắc chắn là số nguyên dương, vì c có thể bằng 0.  d) Số d chắc chắn là số nguyên âm, vì nó nằm bên trái điểm -5 nên nó cũng nằm bên trái điểm 0 (ta viết d < -5 < 0)  **3. Bài 19 SGK.73**  a) 0 < + 2 ; b) - 5 < 0  c) -10 < - 6 ; -10 < + 6  d) + 3 < + 9 ; - 3 < + 9  **4. Bài 20 SGK. 73**  a)  -  = 8 – 4 = 4  b)  .  = 7 . 3 = 21  c)  :  d)  +  = 153 + 53 = 206  **5. Bài 21 SGK. 73**  a) Số đối của – 4 là 4  b) Số đối của 6 lả - 6  c) Số đối của  = 5 là -5  d) Số đối của  = 3 là – 3  e) Số đối của 4 là – 4  **6. Bài 22 SGK trang 74**  a) Số liền sau của mỗi số nguyên 2; -8; 0; -1  lần lượt là: 3; -2; 1; 0  b) Số liền trước các số - 4; 0; 1; 25 lần lượt là -5; -1; 0; -26.  e) a = 0 |
| **D. Hoạt động tìm tòi, mở rộng ( 2 phút)**  ***Mục tiêu:*** ***-*** HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.  - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu tri thức sẽ học trong buổi sau. | | |
| - Xem lại các bài tập đã giải, nắm vững các định nghĩa, các nhận xét về so sánh hai nguyên số, cách tìm giá trị tuyệt đối của một số nguyên.  - Chuẩn bị tiết sau: **“Tiết 44. §4. Cộng hai số nguyên cùng dấu”** | | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ngày soạn: …………… | Ngày dạy: ……………… | Lớp: ……….. Tiết: ……. |

**Tiết 44: Cộng hai số nguyên cùng dấu**

**I. MỤC TIÊU**

Qua bài này giúp học sinh:

**1. Kiến thức:** HS biết cộng hai số nguyên cùng dấu. Bước đầu hiểu được rằng có thể dùng số nguyên biểu thị sự thay đổi theo hai hướng ngược nhau của một đại lượng.

**2. Kĩ năng**:Rèn kĩ năng cộng hai số nguyên cùng dấu

**3. Thái độ**: Bước đầu có ý thức liên hệ những điều đã học với thực tiễn, thêm yêu thích môn học

**4. Định hướng năng lực, phẩm chất**

***- Năng lực:***

+ Năng lực chung: năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ

+ Năng lực chuyên biệt: năng lực tính toán, tư duy logic.

***- Phẩm chất:*** Tự tin, tự chủ.

**II. CHUẨN BỊ**

1. Giáo viên: Phấn màu, bảng phụ, thước thẳng, SGK, SBT

2. Học sinh: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

1. Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số. (**1 phút**)

2. Nội dung:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung** |
| **A. Hoạt động khởi động ( 5 phút)**  ***\*Mục tiêu:*** HS nhớ lại kiến thức về số nguyên âm, tập hợp số nguyên Z  **\**Phương pháp:*** Nêu vấn đề, vấn đáp, | | |
| - GV: Nêu yêu cầu kiểm tra:  \* **Hoạt động cá nhân** : Gọi 1 HS lên bảng thực hiện.  - Yêu cầu HS nhận xét, bổ sung.  - GV: nhận xét, cho điểm | HS lên bảng làm bài.  Cả lớp cùng làm vào vở và nhận xét bài làm của bạn | Viết tập hợp các số nguyên Z.  +Thế nào là hai số đối nhau? Tìm số đối của các số 12; 0; -25 |
| *GV đặt vấn đề:* Giới thiệu bài mới: Những tiết trước chúng ta đã làm quen với số nguyên âm, biết được tập hợp số nguyên Z gồm những loại số nào, biết so sánh hai số nguyên, biết cách tính giá trị tuyệt đối của số nguyên. Bây giờ chúng ta sẽ tìm hiểu các phép toán trong tập hợp số nguyên, đầu tiên là phép cộng. Hãy lấy 1 vài ví dụ về phép cộng hai số nguyên. GV ghi các phép tính của HS trên bảng, chú ý phép tính cộng hai số nguyên cùng dấu để giới thiệu bài. | | |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức.**  **Hoạt động 1: Cộng hai số nguyên dương (12 phút)**  ***Mục tiêu:***  HS phát biểu được công thức cộng hai số nguyên dương  ***Phát triển năng lực:***  năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực sử dụng ngôn ngữ, ,...  ***Phương pháp****:* thuyết trình, vấn đáp, .. | | |
| - Lấy ví dụ cộng hai số nguyên dương?  - Với qui ước ở bài trước thì dấu cộng ở trước số nguyên dương thường được bỏ đi, hãy viết lại phép tính trên? Cho biết kết quả  - Số nguyên dương thực chất là số gì?  - Qua ví dụ hãy em có nhận xét gì khi cộng hai số nguyên dương?  - Y/c HS thực hiện:  b) (+2) + (+3)=?  c) (+425) + (+150)= ?  -GV treo hình vẽ trục số.  -GV: Ta có thể minh hoạ phép cộng ví dụ a trên trục số như sau:  + Bắt đầu từ điểm 0 di chuyển về bên phải (tức là chiều dương) 4 đơn vị đến điểm +4.  + Từ điểm +4 di chuyển tiếp về bên phải 2 đơn vị đến điểm + 6.  +Vậy (+2) + (+4) = +6.  - Gọi HS thực hiện ví dụ b trên trục số | - HS tb cho ví dụ  - HS yếu trả lời  - HS: Các số tự nhiên khác 0 gọi là số nguyên dương.  - HS khá trả lời   * 2 HS lên bảng trình bày bài làm của mình   HS nhận xét bài làm của bạn  - Chú ý lắng nghe  + 1 HS khá lên bảng, cả lớp làm vào vở | **1. Cộng hai số nguyên dương**  **Ví dụ**  a. (+4) + (+2) = 4 + 2 = 6  b. (+2) + (+3) =2 + 3 = 5  c. (+425) + (+150)  = 425 + 150 = 575  *Nhận xét* Cộng hai số nguyên dương chính là cộng hai số tự nhiên khác 0. |
| **Hoạt *động 2:******Cộng hai số nguyên âm (15 phút)***  ***Mục* tiêu:**  HS phát biểu được công thức cộng hai số nguyên cùng dấu.  ***Phương pháp****:* thuyết trình, vấn đáp, trực quan. | | |
| - **Vấn đáp**: Trong thực tế, ta dùng số nguyên để làm gì  - GV giới thiệu: Hôm nay, ta lại dùng số nguyên để biểu thị sự thay đổi theo hai hướng ngược nhau của một đại lượng như tăng và giảm, lên cao và xuống thấp…  - GV cho ví dụ:  + Khi số tiền giảm 5000đ ta nói số tiền tăng -5000đ.  + Khi nhiệt độ giảm 30C ta nói nhiệt độ tăng –30.  - GV: Treo bảng phụ ghi ví dụ SGK/74. SGK. Yêu cầu HS đọc đề và tóm tắt.  -Y/c HS tóm tắt đề bài  - **Vấn đáp**: Nhiệt độ giảm 20C có thể nói nhiệt độ tăng bao nhiêu?  - Vậy để tìm nhiệt độ buổi chiều ta làm thế nào?  - GV hướng dẫn cách cộng bằng trục số:  + Bắt đầu từ điểm 0 di chuyển về bên trái (tức là chiều âm) 3 đơn vị đến điểm -3.  + Để cộng với -2 di chuyển tiếp về bên trái 2 đơn vị đến điểm -5.  Vậy (-3) + (-2) = ?  - y/c HS làm ? 1 vào bảng nháp  - Treo bảng nháp của 2 HS cho các HS khác nhận xét  - Gv chốt kết quả  **Vấn đáp**: - Khi cộng hai số nguyên âm ta được kết quả là số gì?  - Em có nhận xét gì về kết quả của 2 phép tính  - Vậy tổng hai số nguyên âm chính là số đối của tổng hai giá trị tuyệt đối của hai số đó.  - Để cộng hai số nguyên âm ta làm như thế nào  - Cho HS đọc quy tắc  - GV nhấn mạnh: tách quy tắc thành 2 bước  + cộng hai GTTĐ  + đặt dấu trừ đằng trước  - Cho HS thực hiện ví dụ  - Lưu ý: có thể bỏ qua bước trung gian khi trình bày cho gọn  **\*Hoạt động cá nhân:** Y/c HS thực hiện ?2  - Gọi 2 HS lên bảng làm | - Hs giỏi: biểu thị hai đại lượng có hướng ngược nhau: nhiệt độ trên và dưới; số tiền có và số tiền nợ;...  - Chú ý lắng nghe  - HS đọc  - HS Tóm tắt: - Nhiệt độ buổi trưa - 30C  - Buổi chiều nhiệt độ giảm 20C  - Tính nhiệt độ buổi chiều?  - HS giỏi: Nhiệt độ tăng -20C  - HS : Làm phép cộng  (-3) + (-2)  - Quan sát  -HS: (-3) + (-2) = -5  - HS làm ?1  - Quan sát, nhận xét  - Ghi bài  - Số nguyên âm  - Là hai số đối nhau  - Chú ý  - HS khá nêu quy tắc  - 2 HS yếu đọc quy tắc  - Một HS đứng tại chỗ trả lời  -HS lên bảng làm bài  HS nhận xét bài làm của bạn | **2. Cộng hai số nguyên âm**  **a/ Ví dụ: SGK**  *Tóm tắt:*  Nhiệt độ buổi trưa: -30C  Nhiệt độ buổi chiều: giảm 20C  Tính nhiệt độ buổi chiều cùng ngày?  *Giải:*  (- 3 ) + (- 2 ) = - 5  Nhiệt độ buổi chiều cùng ngày là:- 50C  - Biểu diễn trên trục số:     |  | | --- | | **?1** |   (- 4) + (- 5) = - 9  |- 4| + |- 5| = 4 + 5 = 9  **b/ Quy tắc : SGK**  + cộng hai GTTĐ  + đặt dấu “-” đằng trước  Ví dụ :  (-17)+(-54) = (|-10|+|-35| )  = - (10 + 35)  = - 45  **?2**    a/ (+37) + (+81) = + 118  b/ (-23)+(-17) = -(23 + 17)  = -40 |
| ***C - Hoạt động luyện tập – vận dụng - 10 phút***  ***Mục tiêu:*** HS vận dụng linh hoạt kiến thức đã học vào làm bài tập  ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, vấn đáp, trực quan | | |
| GV: Qua bài học này em học được những kiến thức nào? HS trả lời  GV: Chốt lại kiến thức  *Cộng hai số nguyên cùng dấu:+ Cộng hai GTTĐ.*  *+ Dấu là dấu chung.* | | |
| \* **Hoạt động nhóm** : Y/c HS làm bài tập 23a,b, 24b,c/SGK-75 theo 4 nhóm (3 phút)  - Các HS làm vào bảng nháp; gọi đại diện 1 nhóm lên bảng? Nêu cách cộng hai số nguyên dương.  ?Nêu cách cộng hai số nguyên âm.  - Cho các HS khác nhận xét | - HS hoạt động nhóm làm bài tập 23a,b, 24b,c/SGK-75  - HS khác nhận xét | **Bài 23**  a) 2763 + 152 = 1915 ; b) (-7)+(-14)= -(7+14)= -21  **Bài 24**  b) 17 +  = 17 + 33= 50  c)  +  = 37 + 15  = 52 |
| **D. Hoạt động tìm tòi, mở rộng ( 2 phút)**  ***Mục tiêu: -*** HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.  - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu tri thức sẽ học trong buổi sau. | | |
| **- Hướng dẫn học và chuẩn bị bài ở nhà:**  Học bài ở nhà, làm bài tập 25; 26 SGK.75; bài 35- 38 SBT.59  Chuẩn bị § 5 **“Cộng hai số nguyên khác dấu”** | | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ngày soạn: …………… | Ngày dạy: ……………… | Lớp: ……….. Tiết: ……. |

|  |
| --- |
| **Tiết 45. CỘNG HAI SỐ NGUYÊN KHÁC DẤU** |

**I. MỤC TIÊU**

Qua bài này giúp học sinh:

**1. Kiến thức**: Giúp HS nắm chắc qui tắc cộng hai số nguyên khác dấu. Biết so sánh sự khác nhau giữa phép cộng hai số nguyên cùng dấu, khác dấu.

**2. Kĩ năng**: HS rèn kĩ năng áp dụng qui tắc cộng hai số nguyên khác dấu thành thạo.

**3. Thái độ**: Biết vận dụng các bài toán thực tế, thêm yêu thích bộ môn

**4. Định hướng năng lực, phẩm chất**

***- Năng lực:*** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực ngôn ngữ, năng lực tự học.

***- Phẩm chất:*** Tự tin, tự chủ.

**II. CHUẨN BỊ**

1. Giáo viên: nghiên cứu chương trình SGK, tài liệu tham khảo

Phấn màu, bảng phụ, bút dạ, mô hình trục số

2. Học sinh: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

1. Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số. (**1 phút**)

2. Nội dung:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung** |
| **A. Hoạt động khởi động ( 5 phút)**  ***Mục tiêu:*** HS phát biểu được công thức cộng hai số nguyên cùng dấu. Làm một số bài đơn giản  ***Phương pháp:*** thuyết trình, vấn đáp, ... | | |
| - GV: Nêu yêu cầu kiểm tra:  \* **Hoạt động cá nhân** :  + Phát biểu quy tắc cộng hai số nguyên cùng dấu.  + Chữa bài 25 SGK. 75  - GV: gọi HS lên bảng thực hiện.  - GV: yêu cầu HS nhận xét, bổ sung.  - GV: nhận xét, cho điểm  - GV: Giới thiệu bài mới | - HS: lên bảng phát biểu quy tắc và chữa bài.  - HS: nhận xét, bổ sung. |  |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức.**  **Hoạt động 1: Tìm hiểu ví dụ. (12 phút)**  ***Mục tiêu***:  HS nắm được một số ví dụ mở đầu. Dựa vào trục số, bước đầu học sinh tính được tổng hai số nguyên khác dấu  ***Phương pháp****:* thuyết trình, vấn đáp, Hoạt động nhóm... | | |
| - GV: Treo đề bài ví dụ trên bảng phụ.  \* **Hoạt động cá nhân**: Yêu cầu HS đọc và tóm tắt đề sgk trang 75  - GV: Tương tự ví dụ bài học trước.  ? Nhiệt độ buổi chiều cùng ngày giảm 50C, ta có thể nói nhiệt độ tăng như thế nào?  - GV: Muốn tìm nhiệt độ trong phòng ướp lạnh buổi chiều cùng ngày ta làm như thế nào? Tính nhiệt độ buổi chiều trong bằng phép tính gì ?  - GV: Hướng dẫn HS tìm kết quả phép tính trên dựa vào trục số (H.46) hoặc mô hình trục số.  Vậy: 3 + (-5) = -2  Trả lời: Nhiệt độ trong phòng ướp lạnh buổi chiều là -  ♦ Củng cố: GV yêu cầu HS làm ?1 ; ?2  **\*Hoạt động cặp đôi:** Cho HS làm ? 1 SGK vào bảng nháp. GV hướng dẫn thêm HS **yếu**.  - Nhận xét gì về hai kết quả trong hai phép tính ?  - GV: Em cho biết hai số hạng của tổng ở bài ?1 là hai số như thế nào?  - GV: Từ Việc tính và so sánh kết quả của hai phép tính của câu a, em rút ra nhận xét gì?  \***Hoạt động nhóm** : GV chia lớp thành 2 dãy,  - GV: Cho HS Hoạt động nhóm ?2  HS thực hiện ?2 vào bảng phụ: dãy 1: a ; dãy 2: b  - Đại diện 2 nhóm lên bảng trình bày  \* **Hoạt động cá nhân**:  ? Tính GTTĐ của tổng  ?So sánh GTTĐ của tổng và hiệu của hai GTTĐ | - HS: Thực hiện các yêu cầu của GV  Tóm tắt:  + Nhiệt độ buổi sáng 30C.  + Buổi chiều nhiệt độ giảm 50C  + Hỏi: Nhiệt độ buổi chiều?  - HS: Ta có thể nói nhiệt độ tăng - 50C => Nhận xét SGK  - HS: Ta làm phép cộng: 3 + (-5)  - HS: Thực hiện trên trục số để tìm kết quả  - HS: Thảo luận nhóm và dựa vào trục số để tìm kết quả phép tính  (-3) + (+3) = 0  Và (+3) + (-3) = 0  => Kết quả hai phép tính trên bằng nhau và đều cùng bằng 0.  - HS trả lời: Hai số đối nhau.  - Hs trả lời: Hai số đối nhau có tổng bằng 0  a. 3 + (-6) = -3  -  = 6 – 3 = 3  => Nhận xét: Kết quả của hai phép tính câu a là hai số đối nhau  b. (-2) + (+4) = +2  -  = 4 – 2 = 2  => Nhận xét: Kết quả của hai phép tính câu b bằng nhau.  - Tính  ;  -HS khá: GTTĐ của tổng bằng hiệu hai GTTĐ | **1. Ví dụ (SGK)**  \* Nhận xét: (SGK)  (+3) + (-5)  (Vẽ hình 46 SGK)      (-3) + (+3) = 0  (+3) + (-3) = 0    a)    b) |
| **Hoạt động 2: Tìm hiểu Quy tắc cộng hai số nguyên khác dấu (18 phút)**  ***Mục tiêu:*** HS phát biểu được công thức cộng hai số nguyên khác dấu. Biết so sánh sự khác nhau giữa phép cộng hai số nguyên cùng dấu, khác dấu.  ***Phương pháp:*** thuyết trình, vấn đáp, ... | | |
| \* **Hoạt động cá nhân**:  - GV: So sánh  với  và  với  ? Dấu của tổng xác định như thế nào?  Các ví dụ trên minh họa cho qui tắc cộng hai số nguyên khác dấu  - GV: Từ việc so sánh trên và những nhận xét hai phép tính của câu a, b, em hãy rút ra quy tắc cộng hai số nguyên khấc dấu.  - GV: Cho HS đọc quy tắc SGK.  - GV: Cho ví dụ như SGK  (-273) + 55  Hướng dẫn thực hiện theo 3 bước:  + Tìm giá trị tuyệt đối của hai số -273 và 55 (ta được hai số nguyên dương: 273 và 55)  + Lấy số lớn trừ số nhỏ (ta được kết quả là một số dương: 273 – 55 = 218)  + Chọn dấu (vì số -273 có giá trị tuyệt đối lớn hơn nên ta lấy dấu “ – “ của nó)  ♦ Củng cố: Làm ?3 | - HS:  = 6 > = 3  = 4 >  = 2  - HS giỏi: Dấu của tổng là dấu của số có GTTĐ lớn hơn  - HS: Phát biểu ý 2 của quy tắc.  - HS: Đọc quy tắc | **2. Quy tắc cộng hai số nguyên khác dấu**  \* Quy tắc: (SGK)  \* Ví dụ: (-273) + 55  = - (273 - 55) (vì 273 > 55)  = - 218    a.    b. |
| **C. Hoạt động luyện tập - vận dụng ( 7 phút)**  ***Mục tiêu:*** HS vận dụng linh hoạt kiến thức đã học vào làm bài tập  ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, vấn đáp, trực quan | | |
| GV: Qua bài học này em học được những kiến thức nào?  HS: Trả lời  GV: Chốt lại kiến thức  Cộng hai số nguyên khác dấu:  + Hiệu hai GTTĐ.  + Dấu là dấu của số có giá trị tuyệt đối lớn hơn. | | |
| - Vận dụng làm bài 27/SGK  - Gọi 3 HS lần lượt lên bảng thực hiện  - Gọi 3 HS nhận xét | - Làm bài 27/SGK vào bảng nháp  - 3 HS lên bảng thực hiện  - HS nhận xét. | **3. Luyện tập**  a.  b.    c. |
| **D. Hoạt động tìm tòi, mở rộng ( 2 phút)**  ***Mục tiêu: -*** HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.  - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu tri thức sẽ học trong buổi sau. | | |
| Học bài ở nhà, làm bài tập 28 -> 35 SGK.76.  Chuẩn bị **“ Tiết 46. Luyện tập”** | | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ngày soạn: ………… | Ngày dạy: …………… | Lớp: …….. Tiết: ……. |

**Tiết 46 – LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** HS biết cộng hai số nguyên cùng dấu, khác dấu.

**2. Kỹ năng:** Rèn luyện kĩ năng cộng hai số nguyên một cách thành thạo, rèn tính cẩn thận, chính xác.

**3. Thái độ:** Có ý thức liên hệ các kiến thức đã học vào thực tiễn.

**4. Định hướng năng lực, phẩm chất**

***- Năng lực:*** năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***- Phẩm chất:*** Tự tin, tự chủ.

**II. CHUẨN BỊ**

1. Giáo viên: Hệ thống bài tập luyện tập.

Phấn màu, bảng phụ, bút dạ.

2. Học sinh: SGK, Vở, đồ dùng học tập, ôn lại quy tắc cộng hai số nguyên.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

1. Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số *(****1 phút****).*

2. Nội dung:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung** |
| **A. Hoạt động khởi động *(7 phút)***  ***Mục tiêu:*** HS nắm chắc công thức cộng hai số nguyên khác dấu. Biết so sánh sự khác nhau giữa phép cộng hai số nguyên cùng dấu, khác dấu. Rèn tính cẩn thận, chính xác trong khi tính toán.  ***Phương pháp:*** thuyết trình, vấn đáp, luyện tập thực hành. | | |
| - Nêu yêu cầu kiểm tra:  + Phát biểu quy tắc cộng hai số nguyên âm?  Chữa bài 28 SGK. 76.  + Chữa bài 29 SGK. 76.  - Gọi HS nhận xét, bổ sung.  - GV: nhận xét, sửa sai nếu có, cho điểm. | - HS: lên bảng thực hiện yêu cầu.  NX bài 29:  + Đổi dấu các số hạng thì tổng đổi dấu.  + Tổng là hai số đối nhau thì bằng 0.  - HS: nhận xét, bổ sung. |  |
| **B. Hoạt động luyện tập – Vận dụng *(32 phút)***  ***Mục tiêu:*** HS biết cộng hai số nguyên khác dấu một cách thành thạo. Áp dụng công thức cộng hai số nguyên làm một số dạng bài tập. Rèn tính cẩn thận, chính xác trong khi tính toán.  ***Phương pháp:*** thuyết trình, vấn đáp, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành. | | |
| - Yêu cầu HS làm bài 31/SGK-77, bài 43 SBT-59. Mời 2 HS lên bảng.  - Mời HS nhận xét.  - Mời HS rút ra chú ý khi trong biểu thức có chứa dấu giá trị tuyệt đối.  - Nhận xét, sửa sai, cho điểm.  - Yêu cầu HS làm bài 34/sgk.  - GV: Để tính giá trị của biểu thức có chữ, ta làm theo mấy bước, đó là những bước nào?  - Mời 2 HS lên bảng làm bài.  - Yêu cầu cả lớp hoạt động nhóm 4 người, làm bài 33 trong vòng 4’.  - Treo bảng phụ của 2 nhóm lên bảng, yêu cầu HS nhận xét bài của 2 nhóm.  - Nhận xét, sửa sai và cho điểm. | - Thực hiện các yêu cầu của GV và nêu các bước thực hiện.  - Nhận xét, bổ sung.  - HS rút ra chú ý: Đối với biểu thức có chứa dấu giá trị tuyệt đối, trước tiên ta tính giá trị tuyệt đối rồi áp dụng qui tắc cộng hai số nguyên.  - HS trả lời:  + Bước 1: thay giá trị của chữ vào biểu thức.  + Bước 2: Tính giá trị của biểu thức.  - 2 HS lên bảng, cả lớp làm vào vở.  - Hoạt động nhóm 4 người, làm vào bảng phụ đã kẻ sẵn của nhóm.  - Nhận xét. | **Tiết 46. Luyện tập**  **1. Dạng 1: Tính giá trị biểu thức**  **Bài 31/SGK-77:** Tính        **Bài 43/SBT-59:** Tính      **Bài 34/Sgk-77:**      **Bài 33/Sgk-77:**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | a | -2 | 18 | 12 | **-2** | -5 | | b | 3 | -18 | **-12** | 6 | **-5** | | a+b | **1** | **0** | 0 | 4 | -10 | |
| -Treo bảng phụ ghi đề bài lên bảng. Yêu cầu HS đọc đề bài.  - Cho HS dự đoán kết quả.  - Yêu cầu thử lại bằng cách thay giá trị đoán vào và tính kiểm tra. | - Đọc đề bài.  - Tập dự đoán.  - Thử lại. | **2. Dạng 2: Tìm x (ngược)**  **Bài 1.** Dự đoán giá trị của x và kiểm tra lại:    Thử lại:    Thử lại: |
| - Yêu cầu HS làm bài 48/Sbt-59 theo nhóm đôi.  - GV: Hãy nhận xét đặc điểm của mỗi dãy số rồi viết tiếp.  - Mời 2 nhóm lên bảng làm.  - Nhận xét, sửa sai nếu có. | - Hoạt động nhóm.  - Trả lời và viết tiếp.  - 2 HS lên bảng.  Dưới lớp nhận xét. | **3. Dạng 3: Viết dãy số theo quy luật**  **Bài 48/Sbt-59:** Viết tiếp dãy số:  a) -4 ; -1 ; 2 ; 5 ; 8; ...  b) 5 ; 1 ; -3 ; -7 ; -11; ... |
| **C. Hoạt động tìm tòi, mở rộng *(5 phút)***  ***Mục tiêu:*** Học sinh chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học ở tiết học. Chuẩn bị cho bài học sau.  ***Phương pháp***: Ghi chép. | | |
| - Xem lại các bài tập đã giải.  - BTVN: 49 -> 56 SBT.  - Chuẩn bị tiết sau: “Tiết 47. §6. Tính chất của phép cộng các số nguyên”.  Chia lớp thành 4 nhóm.  Nhiệm vụ của mỗi nhóm:  - Nhóm 1 + 2: Tính và so sánh kết quả:    - Nhóm 3 + 4: Tính và so sánh kết quả: | Ghi chép nội dung yêu cầu. |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ngày soạn: ………… | Ngày dạy: …………… | Lớp: …….. Tiết: ……. |

**Tiết47. TÍNH CHẤT CỦA PHÉP CỘNG CÁC SỐ NGUYÊN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

-HS biết được bốn tính chất cơ bản của của phép toán cộng các số nguyên, giao hoán, kết hợp, cộng với số 0, cộng với số đối.

- Biết vận dụng các tính chất cơ bản vào bài tập.

**2. Kỹ năng:** Sử dụng các tính chất cơ bản để tính nhanh, tính hợp lý.

**3. Thái độ:** Biết vận dụng các bài toán thực tế, yêu thích bộ môn.

**4. Định hướng năng lực, phẩm chất:**

***- Năng lực:*** năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ

***- Phẩm chất:*** Tự tin, tự chủ.

**II. CHUẨN BỊ**

1. Giáo viên: tài liệu, phấn màu, thước kẻ, bảng phụ, mô hình trục số.

2. Học sinh: Ôn tập các tính chất phép cộng số tự nhiên, bài tập đã chuẩn bị.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

1. Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số. ***(1 phút)***

2. Nội dung:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung** |
| **A. Hoạt động khởi động *(4 phút)***  ***Mục tiêu:*** Nhắc lại kiến thức về tính chất của phép cộng số tự nhiên.  ***Phương pháp:*** Trò chơi, thuyết trình, vấn đáp. | | |
| - Cho HS chơi trò chơi ô chữ, mỗi ô chữ là một tính chất của phép cộng số tự nhiên.  - Đvđ: Chúng ta vừa nhắc lại các tính chất của phép cộng các số tự nhiên, vậy phép cộng các số nguyên có các tính chất này không? Chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay. | - Cả lớp chơi trò chơi, bạn nào giơ tay nhanh nhất sẽ giành được quyền trả lời. |  |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức *(32 phút)***  **Hoạt động 1**: **Tính chất giao hoán *(7 phút)***  ***Mục tiêu:*** HS nêu được tính chất giao hoán của phép cộng các số nguyên.  ***Phương pháp:*** Thuyết trình, vấn đáp. | | |
| - Đại diện nhóm 1 và 2 lên báo cáo kết quả nhiệm vụ được giao từ bài trước.  - Qua ví dụ của các nhóm đã trình bày, cả lớp rút ra nhận xét gì?  - Nhận xét, chốt lại.  - Yêu cầu HS phát biểu nội dung tính chất giao hoán của phép cộng các số nguyên.  - Yêu cầu HS nêu công thức tổng quát và ghi vở. | - Đại diện nhóm lên trình bày.  - Rút ra nhận xét: Phép cộng các số nguyên có tính chất giao hoán.  - Phát biểu: Tổng hai số nguyên không đổi nếu ta đổi chỗ các số hạng.  - Nêu CTTQ và vào vở. | **1. Tính chất giao hoán**  **\* Ví dụ:**    **\* CTTQ:** **a + b = b + a** |
| **Hoạt động 2: Tính chất kết hợp *(9 phút)***  ***Mục tiêu:*** HS phát biểu được tính chất kết hợp của phép cộng số nguyên  ***Phương pháp****:* thuyết trình, vấn đáp, luyện tập thực hành. | | |
| - Đại diện nhóm 3 và 4 lên báo cáo kết quả nhiệm vụ được giao từ bài trước.  - Qua ví dụ của các nhóm đã trình bày, cả lớp rút ra nhận xét gì?  - Nhận xét, chốt lại.  - Yêu cầu HS phát biểu nội dung tính chất kết hợp của phép cộng các số nguyên.  - Yêu cầu HS nêu công thức tổng quát và ghi vở.  - Giới thiệu phần chú ý/Sgk-78.  - **Củng cố:**  Yêu cầu HS hoạt động cá nhân làm bài 36/Sgk-78.  - Mời 2 HS lên bảng thực hiện và nêu rõ các bước.  - Nhận xét, sửa sai nếu có. | - Đại diện nhóm lên trình bày.  - Rút ra nhận xét: Phép cộng các số nguyên có tính chất giao hoán.  - Phát biểu: Tổng hai số nguyên không đổi nếu ta đổi chỗ các số hạng.  - Nêu CTTQ và vào vở.  - Theo dõi phần chú ý.  - Thực hành bài 36. | **2. Tính chất kết hợp**  **\*Ví dụ:**      **\*CTTQ:**  **(a + b) + c = a + (b + c)**  **Bài 36/sgk:** |
| **Hoạt động 3**: **Cộng với số 0 *(3 phút)***  ***Mục tiêu:*** HS nêu được tính chất cộng với số 0 trên tập hợp số nguyên.  ***Phương pháp:*** Thuyết trình, vấn đáp. | | |
| - GV: Một số nguyên cộng với số 0, kết quả như thế nào? Cho ví dụ.  - Nêu công thức tổng quát. | - HS: Một số cộng với số 0 kết quả bằng chính nó.  Lấy 2 ví dụ.  - Nêu CTTQ. | **3. Cộng với số 0**  **\* Ví dụ:**    **\* CTTQ: a + 0 = 0 + a = a** |
| **Hoạt động 4**: **Cộng với số đối *(13 phút)***  ***Mục tiêu:*** HS nhắc lại được số đối của số nguyên a. Nêu được tính chất cộng với số đối trên tập hợp số nguyên.  ***Phương pháp:*** Thuyết trình, vấn đáp, tự nghiên cứu. | | |
| - Giới thiệu: Số đối của a. Ký hiệu: – a  - Yêu cầu HS nghiên cứu Sgk và cho biết:  - GV: Số đối của – a là gì?  - GV: – (– a) = a  - GV: Nếu a là số nguyên dương thì số đối của a (hay – a) là số gì?  - GV: Yêu cầu HS cho ví dụ.  - GV: Nếu a là số nguyên âm thì số đối của a (hay – a) là số gì?  - GV: Yêu cầu HS cho ví dụ.  - GV: Giới thiệu số đối của 0 là 0  - 0 = 0  - GV: Hãy tính và nhận xét:    - GV: Dẫn đến công thức a + (- a) = 0  Yêu cầu HS ghi vở.  - Ngược lại: Nếu a + b = 0 thì a và b là hai số như thế nào của nhau?  - GV: Ghi:  Nếu a + b = 0 thì  a = – b và b = – a | - Nghiên cứu Sgk.  - HS: Số đối của – a là a  - HS: Là số nguyên âm.  - HS: a = 5 thì  - HS: Là số nguyên dương.  - HS: a = - 3 thì .  - HS: Lên bảng tính và nhận xét    Ghi vở.  - HS: a và b là hai số đối nhau. | **4. Cộng với số đối**  **\* Số đối của a**:  Ký hiệu: – a  – (– a) = a.  **\*CTTQ: a + (**–**a) = 0**  Nếu a + b = 0 thì  a = – b và b = – a. |
| **C. Hoạt động luyện tập, vận dụng *(7 phút)***  ***Mục tiêu:*** HS biết vận dụng các tính chất vừa học để giải bài tập.  ***Phương pháp***: luyện tập thực hành, hoạt động nhóm. | | |
| - Yêu cầu HS hoạt động nhóm 4 người làm ?3/Sgk.  - Đưa mô hình trục số lên bảng, yêu cầu HS tìm tất cả các số nguyên trên trục số.  - Kiểm tra, đánh giá, cho điểm. | - Thảo luận nhóm. | **5. Luyện tập**  ?3/Sgk: |
| **D. Hoạt động tìm tòi, mở rộng *(1 phút)***  ***Mục tiêu:*** Học sinh chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học ở tiết học.  ***Phương pháp***: Ghi chép. | | |
| - Ôn tập lại các kiến thức đã học.  - BTVN: 37 – 40 /Sgk.  - Chuẩn bị **“ Tiết 48. Luyện tập”** | Ghi chép. |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ngày soạn: ………… | Ngày dạy: …………… | Lớp: …….. Tiết: ……. |

**Tiết 48 – Luyện tập**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- HS nắm chắc phương pháp thực hiện các dạng toán về cộng hai số nguyên.

- Biết vận dụng các tính chất của phép cộng các só nguyên vào các dạng toán tính nhanh, tính hợp lý.

**2. Kỹ năng:**

- Rèn luyện kĩ năng cộng hai số nguyên một cách thành thạo, rèn tính cẩn thận, chính xác.

- Củng cố kỹ năng tìm số đối, tìm giá tri tuyệt đối của 1 số nguyên.

**3. Thái độ:** Có ý thức liên hệ các kiến thức đã học vào thực tiễn.

**4. Định hướng năng lực, phẩm chất**

***- Năng lực:*** năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***- Phẩm chất:*** Tự tin, tự chủ, tự lập.

**II. CHUẨN BỊ**

1. Giáo viên: máy chiếu, phiếu học tập, bảng phụ.

2. Học sinh: SGK, Vở, đồ dùng học tập.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

1. Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số *(****1 phút****).*

2. Nội dung:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung** |
| **A. Hoạt động khởi động *(10 phút)***  ***Mục tiêu:*** HS nhắc lại các tính chất của phép cộng các số nguyên. Hai số đối nhau. Cách tính giá trị tuyệt đối của 1 số nguyên. Làm tốt một số bài tập đơn giản.  ***Phương pháp:*** thuyết trình, vấn đáp, luyện tập thực hành. | | |
| - Nêu yêu cầu kiểm tra:  + Phát biểu các tính chất của phép cộng các số nguyên?  Chữa bài 37a/Sgk – 78.  + Cho biết thế nào là hai số đối nhau? Cách tính giá trị tuyệt đối của 1 số nguyên?  Chữa bài 40/Sgk-79.  - Gọi HS nhận xét, bổ sung.  - GV: nhận xét, sửa sai nếu có, cho điểm. | + HS1: Nêu 4 tính chất của phép cộng các số nguyên.  + HS2: Nêu định nghĩa 2 số đối nhau, cách tính giá trị tuyệt đối của 1 số nguyên. | **Bài 37a:**    .  **Bài 40:**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | a | 3 | **–15** | – 2 | **0** | | –a | **– 3** | 15 | **2** | 0 | | |a| | **3** | **15** | **2** | **0** | |
| **B. Hoạt động luyện tập – Vận dụng *( 33 phút)***  ***Mục tiêu:*** HS nắm chắc phương pháp và thực hiện tốt các bài toán về cộng hai số nguyên. Vận dụng các tính chất vào các bài tập tính nhanh.  ***Phương pháp:*** thuyết trình, vấn đáp, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành. | | |
| - Yêu cầu HS chữa bài 39/SGK-79, mời 2 HS lên bảng.  - Yêu cầu HS nêu các tính chất đã áp dụng.  - Mời HS nhận xét.  - Hướng dẫn các cách giải khác:  + Nhóm riêng các số nguyên âm, nguyên dương bằng cách áp dụng t/c giao hoán, kết hợp.  + Hoặc nhóm các số để được kết quả là số tròn chục.  - Yêu cầu HS làm Bài 41/Sgk-79. Mời 3 HS lên bảng.  - Yêu cầu HS nêu các tính chất đã áp dụng ở từng bước.  - Mời HS nhận xét  - Nhận xét, sửa sai và cho điểm.  - Yêu cầu cả lớp hoạt động nhóm 4 người, làm bài 42/Sgk-79 trong vòng 5’.  - Hướng dẫn câu b:  + Bước 1: Tìm tất cả các số nguyên có trị tuyệt đối nhỏ hơn 10.  + Bước 2: Tính tổng bằng cách hay nhất.  - Treo bảng phụ của 2 nhóm lên bảng, mời đại diện 2 nhóm lên bảng trình bày bài làm của nhóm mình, nêu rõ các bước làm và tính chất đã áp dụng.  - Mời các nhóm khác nhận xét.  - Nhận xét, sửa sai và cho điểm nhóm làm tốt. | - Thực hiện các yêu cầu của GV  - HS: áp dụng t/c giao hoán, kết hợp.  - Nhận xét, bổ sung.  - Theo dõi cách giải của GV, ghi chép cách giải cho là hay ngắn gọn nhất.  - 3 HS lên bảng, cả lớp làm vào vở.  - Nêu các tính chất.  - Nhận xét.  - Hoạt động nhóm 4 người, làm vào bảng phụ của nhóm.  - Theo dõi.  - 2 nhóm trưởng lên trình bày.  - Nhận xét. | **Tiết 48. Luyện tập**  **1. Dạng 1: Tính – Tính nhanh**  **Bài 39/SGK-79:** Tính      **Bài 41/Sgk-59:** Tính:      **Bài 42/Sgk-79:**    b) Các số nguyên có giá trị tuyệt đối nhỏ hơn 10 là:    Tổng S = |
| - Chiếu đề bài 43/Sgk và hình vẽ lên máy chiếu. Yêu cầu HS đọc đề bài.  - Yêu cầu HS nhắc lại công thức tính quãng đường khi biết vận tốc và thời gian.  - Cho HS 4’ vẽ hình, phân tích đề và suy nghĩ cách làm.  - Giải thích hình vẽ.  - GV: Sau 1 giờ canô thứ nhất ở vị trí nào? Canô thứ hai ở vị trí nào? Cùng chiều hay ngược chiều so với C? Chúng cách nhau bao nhiêu km?  - Mời 1 HS lên bảng làm. | - Đọc đề bài.  - S = v.t (km).  - Vẽ hình vào vở và suy nghĩ cách làm.  - Quan sát, lắng nghe  - Câu a, vận tốc 2 ca nô là 7 và 10 km/h thì chúng cùng đi về hướng B (cùng chiều), vậy sau 1h, chúng cách nhau 10 – 7 = 3 km.  Câu b, vận tốc 2 ca nô là 10 và –7 km/h, thì 1 ca nô đi về hướng B, 1 ca nô đi về hướng C (ngược chiều với C), vậy sau 1h 2 ca nô cách nhau 7 + 10 = 17 km. | **2. Dạng 2: Bài toán thực tế**  **Bài 43/Sgk:**  -7km  10km  7km  A  D  C  B  a) Sau 1h, ca nô 1 ở B, ca nô 2 ở D (cùng chiều với C), vậy 2 ca nô cách nhau:  10 – 7 = 3 (km).  b) Sau 1h, ca nô 1 ở B, ca nô 2 ở A (ngược chiều với C), vậy 2 ca nô cách nhau :  10 + 7 = 17 (km).  Bài 44/ Sgk: |
| - GV: Treo bảng phụ kẻ sẵn khung trang 80 SGK  Hướng dẫn:  +/ -  + Nút dùng để đổi dấu “+” thành “-” và ngược lại.  + Nút “-” dùng đặt dấu “-” của số âm.  - Trình bày cách bấm nút để tìm kết quả phép tính như SGK.  - Yêu cầu HS làm bài 46/Sgk-80. | - Quan sát.  - Làm bài 46/Sgk. | **3. Dạng 3: Sử dụng máy tính bỏ túi**  **Bài 46/Sgk-80: Tính**  a) 187 + (–54) = 133  b) (–203) + 349 = 146  c) (–175) + (–213) = –388 |
| **C. Hoạt động tìm tòi, mở rộng *(1 phút)***  ***Mục tiêu:*** Học sinh chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học ở tiết học. Chuẩn bị cho bài học sau.  ***Phương pháp***: Ghi chép. | | |
| - Xem lại các bài tập đã giải.  - BTVN: 62 – 68/SBT.  - Chuẩn bị tiết sau: **“Tiết 49. §7. Phép trừ hai số nguyên”.** | Ghi chép nội dung yêu cầu. |  |